

Số: /QĐ-BVPVL

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Vĩnh Long thành Bệnh viện Phổi Vĩnh Long;

Căn cứ quyết định số 3491/QĐ-SYT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế Vĩnh Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch-Tài chính- Chi đạo tuyến- Điều dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Phổi Vĩnh Long (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng TC-HC, Phòng KHTC-CĐT- ĐD và các khoa phòng thực hiện thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Vĩnh Long;
- Các khoa, phòng;
- Lưu : VT, KHTCCĐT&ĐD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đông

BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BVPVL ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Phổi Vĩnh Long)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	22.170.000
1.1	Thu dịch vụ khám, chữa bệnh	22.000.000
1.2	Thu dịch vụ, thu khác	170.000
2	Chi từ nguồn thu phí, dịch vụ khám chữa bệnh, cho thuê bãi xe, căn tin, nhà thuốc	22.170.000
2.1	Chi sự nghiệp chuyên môn	22.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.000.000
b	Kinh phí bổ sung chi thường xuyên	
2.2	Thu dịch vụ, thu khác	170.000
	Thu dịch vụ, thu khác	170.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.352.200
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-132)	7.057.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.623.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	434.200
a	Chi mua bảo hiểm cháy nổ	70.000
b	Chi hỗ trợ chính sách đãi ngộ theo nghị quyết 53/2022/NQ-HĐND	364.200
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (070-085)	295.000
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	295.000